

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà : **Nguyễn Thị Trang**
 - Bà: **K’Nga**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Yên**- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 04 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Trần T**; Sinh năm: 1963

Địa chỉ: thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:**

Năm 2005 bà và ông Trần T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức theo lễ cưới truyền thống đồng thời có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và chung sống với nhau tại thôn M, xã Đ, đến năm 2011 thì chuyển đến sinh sống tại thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa thuận,

hạnh phúc, do bất hòa, cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt về suy nghĩ cũng như hành động, ông T là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm đối với vợ con, dẫn đến mối quan hệ vợ chồng không còn như trước nên ông bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân với ông T được nữa. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đam Rông giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Trọng .

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 02 người con chung là cháu Trần Long A, sinh ngày 19/08/2006 và cháu Trần Thị Thủy T1, sinh ngày 17/09/2013. Hiện nay các cháu đang sống cùng với bà và được cho đi học đầy đủ, cháu A hiện N đã trưởng thành và bà không có yêu cầu. Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được quyền nuôi con chung là cháu Thủy T1 cho đến khi cháu T1 trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngoài ra, bà không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và không có quan điểm về yêu cầu của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.

Tòa án đã tổ chức phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Trần T là hợp pháp, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng do bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trần Thị H và ông Trần T không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H.

Về con chung: cháu Trần Long A, sinh ngày 19/08/2006 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, bà H không có yêu cầu nên không xem xét đến, giao cháu Trần Thị Thủy T1, sinh ngày 17/09/2013 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Trọng K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần Thị H cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến. Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xuất phát từ việc mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, hiện nay bà Trần Thị H và ông Trần T đã không còn chung sống với nhau nữa. Bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và ông Trần T có địa chỉ tại xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị H và ông Trần T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2005 theo đúng quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân bà Trần Thị H và ông Trần T là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông bà không mang lại hạnh phúc như mong muốn, nhiều mâu thuẫn phát sinh đến mức không thể hòa giải được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút nghiêm trọng, không thể cứu vãn, ông T là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm đối với vợ con, do đó bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đồng thời, theo kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi vợ chồng ông T, bà Hậu sinh S thì trùng khớp với các nội dung bà Trần Thị H đã trình bày. Thêm vào đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trần T không có mặt để làm việc theo yêu cầu của nguyên đơn, do đó không có ý kiến về các nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H là có căn cứ.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị H và ông Trần T có với nhau hai người con chung là cháu Trần Long A, sinh ngày 19/08/2006 và cháu Trần Thị Thủy T1, sinh ngày 17/09/2013. Hiện nay, cháu A đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường và bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến, còn cháu Thủy T1 hiện đang sống với bà H và được ăn học, phát triển tốt. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu sau khi ly hôn, đồng thời cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là bà H nên giao cháu Trần Thị Thủy T1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị H trình bày hai bên không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H nên buộc bà H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trần T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thủy T1, sinh ngày 17/09/2013 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, ông Trần T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp trước theo biên lai thu tiền số 0006320 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án (18/4/2025), bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Đa Tông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng

